

Bản án số: 66/2019/DS-ST.
Ngày: 30/10/2019.
V/v tranh chấp hợp đồng mua
bán hàng hóa.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa – Thẩm phán: Ông Đặng Đình Tiến.

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Bá Hợp.
2. Ông Võ Thành Viên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Hoàng Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa:

Bà Hoàng Thị Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 39/2019/TLST-KDTM, ngày 04/6/2019 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2019/QĐXXST – DS ngày 09 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2019/QĐST-DS, ngày 02 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty X. Trụ sở chính: Số 5A đường Võ Oanh, Phường 25, quận B, Thành phố H.

Đại diện theo pháp luật có bà Huỳnh Tuyết N – chức vụ: Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền có bà Hồ Ngọc Hiền T hoặc ông Thạch Huỳnh N (Giấy ủy quyền lập ngày 20/3/2019);

(Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Công ty Y; Địa chỉ: 13-14 khu B, đường Nguyễn Văn Lượng, Phường 10, quận G, Thành phố H;

Đại diện theo pháp luật có ông Mạch Nam Tr – chức vụ: Giám đốc.

(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 20/5/2019, nguyên đơn Công ty X (sau đây gọi tắt là Cty X) và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có ông Thạch Huỳnh N trình bày:

Cty X và Công ty Y (sau đây gọi tắt là Cty Y) có mối quan hệ làm ăn mua bán hàng hóa với nhau dựa trên sự tin tưởng làm việc lâu năm, thiện chí trong suốt nhiều năm. Giữa hai công ty thống nhất hợp đồng nguyên tắc là thỏa thuận miệng với nhau về việc mua bán hàng hóa, khi Cty Y có nhu cầu mua hàng từ Cty X thì Cty Y sẽ đặt hàng thông qua email hoặc điện thoại trực tiếp, sau khi có được thông tin đặt hàng thì Cty X sẽ chuẩn bị hàng giao và xuất hóa đơn cho Cty Y đồng thời sẽ thanh toán tiền cho Cty X.

Tuy nhiên từ tháng 3/2015 đến nay Cty X đã bán và xuất hóa đơn cho Cty Y nhưng chưa nhận được thanh toán tiền mua hàng. Cụ thể: Công nợ hàng hóa Cty Y còn nợ tính đến tháng 3/2019 với số tiền là 1.176.937.000 đồng.

Mặc dù đã nhiều lần liên hệ bằng điện thoại, email, công văn và gặp trực tiếp nhưng ông Tr không có thiện chí trả nợ, cố tình né tránh, lẩn trốn trách nhiệm trả nợ. Nên Cty X khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Cty Y phải thanh toán số tiền mua hàng còn thiếu tính đến tháng 3/2019 là 1.176.937.000 đồng và tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán tính từ ngày 25/4/2019 đến ngày 30/10/2019 với mức lãi suất bằng 10% trên số tiền chưa thanh toán là 60.481.484 đồng.

Bị đơn có địa chỉ trụ sở chính tại số 13-14 khu B, đường Nguyễn Văn Lượng, Phường 10, quận G, Thành phố H. Theo kết quả xác minh của Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh thì Cty Y chưa đăng ký giải thể. Do đó, Tòa án đã triệu tập đại diện theo pháp luật của Cty Y là ông Mạnh Nam Trung đến Tòa án ghi lời khai, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên đại diện theo pháp luật của Cty Y vẫn vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp:

- Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng các Điều 70 và 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Cty X khởi kiện Cty Y về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa. Căn cứ đơn khởi kiện; Hóa đơn giá trị gia tăng Cty X xuất cho Cty Y; Nội dung trao đổi email thì có đủ cơ sở để xác định hai bên có giao kết một hợp đồng mua bán hàng hóa bằng lời nói vì mục đích lợi nhuận. Cty Y có địa chỉ trụ sở chính tại quận Gò Vấp. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp theo khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về người tham gia tố tụng:

Bị đơn có ông Mạch Nam Tr là người đại diện theo pháp luật đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng với thủ tục được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] *Xét yêu cầu của đương sự:*

Căn cứ vào các hóa đơn giá trị gia tăng số 0000796 ngày 05/11/2013, số 0001392 ngày 10/01/2015, 0001459 ngày 02/3/2015, 0001550 ngày 01/4/2015, 0001552 ngày 02/4/2015, 0001553 ngày 02/4/2015, 0001714 ngày 24/7/2015, 0001749 ngày 12/8/2015, 0001770 ngày 21/8/2015, 0001834 ngày 28/9/2015, 0001869 ngày 12/10/2015, 0001915 ngày 11/11/2015, 0002005 ngày 24/12/2015, 0002140 ngày 25/3/2016, 0002148 ngày 01/4/2016, 0002369 ngày 16/9/2016, 0000067 ngày 10/2/2017 thể hiện Cty Y nhiều lần mua hàng của Cty X với tổng số tiền là 2.563.442.000 đồng và đã thanh toán 1.286.505.000 đồng. Còn lại 1.176.937.000 đồng Cty Y chưa trả là vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do đó Cty Y phải có trách nhiệm thanh toán cho Cty X số tiền hàng còn thiếu là có cơ sở phù hợp với quy định tại Điều 50 Luật Thương mại năm 2005 sửa đổi bổ sung năm 2017. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Cty Y phải có trách nhiệm thanh toán cho Cty X số tiền 1.176.937.000 đồng.

Ngoài ra, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn còn yêu cầu Cty Y phải thanh toán khoản tiền lãi trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Căn cứ Điều 306 Luật Thương mại năm 2005 sửa đổi bổ sung năm 2017, căn cứ Điều 11 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, thì nguyên đơn có quyền yêu cầu bị đơn trả lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán, tương ứng với thời gian chậm trả, tính từ lúc bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả

tiền đến thời điểm xét xử sơ thẩm. Tuy nhiên nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi từ ngày 25/4/2019 với mức lãi suất là 10%/năm. Nhận thấy yêu cầu này có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Nguyên đơn không phải chịu án phí, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; điểm e khoản 1 Điều 192; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 306 Luật Thương mại năm 2005 sửa đổi bổ sung năm 2017;

Căn cứ Điều 11 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 và 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã sửa đổi, bổ sung năm 2014;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty X đối với Công ty Y:

Buộc Công ty Y phải trả cho Công ty X số tiền 1.176.937.000 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán tính từ ngày 25/4/2019 đến ngày 30/10/2019 là 60.481.484 đồng, tổng cộng 1.237.418.484 (một tỷ hai trăm ba mươi bảy triệu bốn trăm mười tám ngàn bốn trăm tám mươi tư) đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Công ty Y tiếp tục phải chịu khoản tiền lãi do chậm thanh toán với mức lãi suất 10% trên số tiền 1.176.937.000 đồng tính từ ngày 31/10/2019 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Về án phí:

Công ty Y phải chịu 49.122.554 (bốn mươi chín triệu một trăm hai mươi hai ngàn năm trăm năm mươi bốn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Công ty X số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 23.766.390 (hai mươi ba triệu bảy trăm sáu mươi sáu ngàn ba trăm chín mươi) đồng theo biên lai thu tạm

ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0000810 ngày 04/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Gò Vấp;
- CCTHADS quận Gò Vấp;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Đình Tiến